ĐẠI HỌC HUẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2323/QĐ-ĐHYD	*Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định mức thu học phí đào tạo đại học năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-ĐHH ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Đại học Huế về việc Quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán giảng dạy nội bộ trong Đại học Huế từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tài chính của trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Đảng ủy Trường Đại học Y – Dược về việc thông qua chính sách học phí năm học 2026-2027;

Theo đề nghị của Trưởng các phòng: Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu học phí năm học 2026-2027 đối với sinh viên đào tạo đại học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2026-2027.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng: Tổ chức, Hành chính và Pháp chế; Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Đào tạo Đại học; sinh viên các lớp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTC&CSVC.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Vũ Quốc Huy

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về việc mức thu học phí đào tạo đại học năm học 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYD ngày tháng 4 năm 2026 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

I. Đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng cho tất cả sinh viên đào tạo đại học hệ chính quy, liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học, sinh viên đào tạo theo hình thức đặt hàng các ngành khi học trực tiếp tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và học trực tuyến (online).

- Không áp dụng cho sinh viên là người nước ngoài.

II. Mức thu học phí

- Căn cứ quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ chính sách học phí năm học 2026-2027 tại Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Đảng ủy Trường Đại học Y - Dược;

- Căn cứ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân;

Nhà trường quyết định mức thu học phí năm học 2026-2027 theo từng ngành học như sau:

1. Mức thu học phí đối với sinh viên tuyển sinh từ năm học 2025-2026 trở về sau:

Đvt: nghìn đồng/tháng/sinh viên

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
I	**Đào tạo Đại học chính quy và liên thông chính quy**	
1	Y khoa	7.000
2	Răng Hàm Mặt	5.320
3	Dược học	6.110
4	Y học Cổ truyền	6.330
5	Y học dự phòng	4.950
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.950
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	4.950

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
8	Điều dưỡng	4.950
9	Hộ sinh	4.000
10	Dinh dưỡng	4.000
11	Y tế công cộng	3.660
II	**Đào tạo thường xuyên (Liên thông vừa làm vừa học)**	
1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.425
2	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.425
3	Điều dưỡng	7.425
4	Y tế công cộng	5.490

** Học phí đào tạo chính quy được tính 10 tháng/ 1 năm học*

** Học phí đào tạo thường xuyên (liên thông vừa làm vừa học) được tính 6 tháng/ 1 năm học.*

2. Mức thu học phí đối với sinh viên tuyển sinh năm học 2024-2025:

Đvt: nghìn đồng/tháng/sinh viên

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
I	**Đại học chính quy và liên thông chính quy**	
1	Y khoa	6.460
2	Răng Hàm Mặt	5.320
3	Dược học	5.620
4	Y học Cổ truyền	5.820
5	Y học dự phòng	4.550
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.550
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	4.550
8	Điều dưỡng	4.550
9	Hộ sinh	3.680
10	Dinh dưỡng	3.680
11	Y tế công cộng	3.370

** Học phí đào tạo chính quy được tính 10 tháng/ 1 năm học*

3. Mức thu học phí đối với sinh viên tuyển sinh năm học 2023-2024:

Đvt: nghìn đồng/tháng/sinh viên

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
I	**Đại học chính quy và liên thông chính quy**	
1	Y khoa	4.960
2	Răng Hàm Mặt	4.960

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
3	Dược học	4.310
4	Y học Cổ truyền	4.460
5	Y học dự phòng	3.740
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	3.740
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	3.740
8	Điều dưỡng	3.740
9	Hộ sinh	3.250
10	Y tế công cộng	2.980

** Học phí đào tạo chính quy được tính 10 tháng/ 1 năm học*

4. Mức thu học phí đối với sinh viên tuyển sinh từ năm học 2022-2023 trở về trước:

Đvt: nghìn đồng/tháng/sinh viên

STT	Ngành học	Mức thu học phí năm học 2026-2027
I	**Đại học chính quy và liên thông chính quy**	
1	Y khoa	3.500
2	Răng Hàm Mặt	2.660
3	Dược học	3.500
4	Y học Cổ truyền	2.980
5	Y học dự phòng	2.660
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	2.660
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	2.660
8	Điều dưỡng	2.660
9	Hộ sinh	2.660
10	Y tế công cộng	2.450

** Học phí đào tạo chính quy được tính 10 tháng/ 1 năm học*

5. Mức thu học phí đào tạo đại học tính theo tín chỉ, mô-đun: mức thu học phí của một tín chỉ, mô-đun được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành, nghề đào tạo và tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí tín chỉ, mô-đun} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa}}$$

Tổng học phí toàn khóa = mức thu học phí 1 sinh viên/1 tháng X 10 tháng X số năm học, bảo đảm nguyên tắc tổng học phí theo tín chỉ của chương trình đào tạo tối đa bằng tổng học phí tính theo niên chế.

III. Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Các chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

Quy định này được áp dụng trong năm học 2026-2027. Trong thời gian đến, căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường sẽ có các điều chỉnh cần thiết, trong đó có ngành Răng hàm mặt, bảo đảm phù hợp với các quy định của Nhà nước./.